

Số: 413/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 20 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1031/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983
Địa chỉ: 99/26 đường Tân Chánh Hiệp 34, tổ 2, khu phố A, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Bị đơn: Ông Lê Hùng T, sinh năm: 1975
Địa chỉ: 99/26 đường Tân Chánh Hiệp 34, tổ 2, khu phố A, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 và ông Lê Hùng T, sinh năm 1975 .
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hùng T thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: có **02 con chung** tên Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 14/02/2004 và Lê Ngọc Thành P, sinh ngày 14/11/2007.

Giao con chung tên Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 14/02/2004 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao con chung tên Lê Ngọc Thành P, sinh ngày 14/11/2007 cho ông Lê Hùng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNGĐ: 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị T đã nộp. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0105355** ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 03 do UBND xã H, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/02/2006 không còn giá trị pháp lý.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Mai